

Số: 228/HD-ĐHL

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2022

HƯỚNG DẪN

VỀ VIỆC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH GIÀNH CHO SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY VĂN BẰNG 1 NĂM HỌC 2022-2023

Phòng Công tác sinh viên hướng dẫn về việc thực hiện chế độ chính sách cho sinh viên thuộc các khóa 43 Quản trị Luật, khóa 44, khóa 45, khóa 46 và khóa 47 như sau:

I - CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ:

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

1. Đối tượng và hồ sơ miễn, giảm học phí:

ĐỐI TƯỢNG MGHP	DANH MỤC HỒ SƠ CẦN NỘP (Bản sao chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc)	MỨC MIỄN, GIẢM
Đối tượng 1.1: Người có công với cách mạng. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh.	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (<i>Phụ lục V</i>) - Bản sao chứng thực Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công được xác định theo theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Quốc hội.	Miễn học phí
Đối tượng 1.2: Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Con của anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến.	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (<i>Phụ lục V</i>) - Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng thân nhân người có công với cách mạng được xác định theo theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Quốc hội.	Miễn học phí
Đối tượng 1.3: Sinh viên là con liệt sỹ	- Bản sao chứng thực giấy khai sinh	
Đối tượng 1.4: Sinh viên là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh		

Đối tượng 1.5: Sinh viên là con của bệnh binh		
Đối tượng 1.6: Sinh viên là con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.		
Đối tượng 2: Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất mồ côi, không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại điều 5, Nghị định 20/2021/NĐ-CP	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (<i>Phụ lục V</i>) - Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. 	Miễn học phí
Đối tượng 3: Sinh viên khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (<i>Phụ lục V</i>) - Bản sao chứng thực Giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp huyện 	Miễn học phí
Đối tượng 4: Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (<i>Phụ lục V</i>) - Bản sao chứng thực Giấy khai sinh. - Bản sao chứng thực Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND xã cấp; <p>Lưu ý: Hồ sơ nộp đầu mỗi năm học theo sổ hộ nghèo hoặc cận nghèo.</p>	Miễn học phí
Đối tượng 5: Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người (<i>La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cơ Lao, Bô Y, Cống, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, Ô Đu</i>), có hộ khẩu thường trú vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (<i>Phụ lục V</i>) - Bản sao chứng thực Giấy khai sinh. - Bản sao chứng thực Sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc). 	Miễn học phí
Đối tượng 6: Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (<i>Phụ lục V</i>) - Bản sao chứng thực Giấy khai sinh. - Bản sao chứng thực Sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc). 	Giảm 70% học phí

khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.		
Đối tượng 7: Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (<i>Phụ lục V</i>) - Bản sao chứng thực Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp.	Giảm 50% học phí
Đối tượng 8: Học sinh, sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (<i>Phụ lục V</i>)	Miễn học phí

(*): Quy định cụ thể **Đối tượng 2:** SV từ 16-22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp quy định sau đây:

- a) Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- b) Mồ côi cả cha và mẹ;
- c) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật;
- d) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- đ) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- e) Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;
- g) Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- h) Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- i) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- k) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- l) Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

(*): Quy định cụ thể **Đối tượng 6:** Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Sv tra cứu các văn bản sau đây:

- Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 4 tháng 6 năm 2021 về Phê duyệt danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định 612/QĐ-UBND năm 2021 phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành;

- Quyết định 353/QĐ-TTg năm 2022 phê duyệt Danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

- Quyết định 131/QĐ-TTg năm 2017 phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020 do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

- Các quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số vùng miền núi (nếu có).

2. Quy định về miễn giảm:

- Việc miễn, giảm học phí cho sinh viên được thực hiện tại trường nơi sinh viên đang học tập. Nhà nước thực hiện cấp bù học phí trực tiếp cho nhà trường để nhà trường thực hiện chế độ miễn, giảm học phí cho SV thuộc đối tượng miễn, giảm học phí.

- Việc cấp bù học phí theo 10 tháng/năm (5 tháng/học kỳ) căn cứ số lượng người học thực tế thuộc diện được miễn, giảm học phí và mức thu học phí (mức cấp bù học phí cho các trường theo khung học phí của từng nhóm ngành được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP).

- Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 02 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì hàng năm phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo.

- Sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí nếu đồng thời học ở nhiều cơ sở giáo dục hoặc nhiều khoa, nhiều ngành trong cùng một trường thì được hưởng một chế độ ưu đãi.

- Không áp dụng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí đối với sinh viên trong trường hợp đã hưởng chế độ này tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học.

- Thời gian sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung thì sẽ không được tính trong dự toán để cấp bù tiền miễn, giảm học phí.

- Chỉ áp dụng chế độ miễn, giảm học phí đối với các môn học lần một theo chương trình học, không áp dụng cho các môn học lại, học cải thiện,... cũng như chỉ áp dụng đối với 2 học kỳ chính, không áp dụng đối với học kỳ hè và học kỳ dự thính (nếu có).

3. Quy trình và thời gian nộp hồ sơ:

Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí làm Giấy đề nghị MGHP (theo mẫu thống nhất của Trường), kèm theo giấy tờ chứng minh đối tượng được xét miễn, giảm học phí và nộp cho Phòng Công tác sinh viên, cụ thể:

- **Thời gian:** Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày đầu mỗi học kỳ, sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí chỉ phải làm 02 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập.

- Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì mỗi năm phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo được cấp theo năm để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí cho kỳ học tiếp theo.

- **Địa điểm nộp: Phòng Công tác sinh viên A103** cơ sở Nguyễn Tất Thành

Trường sẽ không nhận hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm học phí nếu các giấy tờ kèm theo không hợp lệ và không nộp theo đúng thời gian quy định.

Mọi thắc mắc sinh viên liên hệ Phòng Công tác sinh viên A103 cơ sở Nguyễn Tất Thành
Email: miengiam@hcmulaw.edu.vn; ctctsv@hcmulaw.edu.vn, Zalo và điện thoại hỗ trợ: 0899472247

II - TRỢ CẤP XÃ HỘI

Căn cứ Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT-BGD&ĐT-BTC-BLĐ-TB&XH ngày 25/08/1998, số 13/2002/TTLT-BGD&ĐT-BTC ngày 28/3/2002 và số 18/2009/TTLT-BGD&ĐT-BTC- LĐ-TB&XH ngày 03/08/2009 của liên tịch Bộ Giáo Dục & Đào Tạo - Bộ Tài Chính – Bộ Lao Động – Thương Binh & Xã hội hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 và 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập.

1. Đối tượng áp dụng:

a) **Đối tượng 1:** Học sinh, sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao. Căn cứ để xác định người dân tộc ít người là giấy khai sinh bản gốc, hoặc giấy kết hôn của bố mẹ (nếu giấy khai sinh bản gốc bị thất lạc), trong đó có ghi bố hoặc mẹ là người dân tộc ít người. Người dân tộc ít người ở vùng cao là người dân tộc ít người liên tục sống ở vùng cao hoặc có hộ khẩu thường trú ở vùng cao ít nhất từ 3 năm trở lên (tính đến thời điểm vào học tại trường đào tạo).

b) **Đối tượng 2:** Học sinh, sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa. Đây là những người không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên (học sinh, sinh viên phải xuất trình giấy xác nhận của cơ quan thương binh xã hội cấp quận, huyện, thị xã trên cơ sở đề nghị của phường, xã nơi học sinh, sinh viên cư trú).

c) **Đối tượng 3:** Học sinh, sinh viên là người tàn tật theo quy định của Nhà nước tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 là những người gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật, được Hội đồng y khoa có thẩm quyền xác định. Học sinh, sinh viên thuộc diện này phải xuất trình biên bản giám định y khoa và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường về hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

d) **Đối tượng 4:** Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những người mà gia đình của họ thuộc diện hộ nghèo phải xuất trình giấy chứng nhận là học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận theo mẫu giấy chứng nhận ban hành kèm theo Thông tư này (Phụ lục kèm theo).

2. Mức hưởng trợ cấp xã hội:

Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hưởng mức trợ cấp 140.000 đồng/người/tháng. Sinh viên mồ côi cả cha

lẫn mẹ, không nơi nương tựa; Sinh viên là người tàn tật gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật; Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập hưởng mức trợ cấp 100.000 đồng/người/tháng.

Trợ cấp xã hội được cấp 12 tháng trong năm học và cấp theo từng học kỳ.

3. Hồ sơ:

Sinh viên phải làm đơn theo mẫu thống nhất do Nhà trường phát hành (đơn nhận tại Phòng Công tác Sinh viên A103), kèm theo đơn đề nghị hưởng trợ cấp xã hội các giấy tờ được sao y chứng thực, cụ thể từng đối tượng:

- Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Giấy khai sinh; Hộ khẩu hoặc Giấy chứng nhận là người dân tộc ít người ở vùng cao của Ủy ban nhân dân cấp xã (phường).

- Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ: Giấy khai sinh; Giấy chứng tử của cha và mẹ; Giấy xác nhận của cơ quan thương binh xã hội cấp Quận, huyện, Thị xã trên cơ sở đề nghị của phường, xã nơi sinh viên cư trú.

- Sinh viên là người tàn tật gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật: Biên bản giám định y khoa; Giấy xác nhận của UBND xã, phường về hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

- Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những sinh viên mà gia đình thuộc diện hộ nghèo và có điểm học tập kỳ trước liền kề đạt **6.7** (thang điểm 10) hoặc **2.5** (thang điểm 4) trở lên: Giấy chứng nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận theo mẫu (kèm theo TTLT số 18/2009/TTLT/BGD&ĐT-BTC- BLĐTĐBXH ngày 03/08/2009); Bản sao Giấy khai sinh hoặc bản sao Hộ khẩu; Bảng điểm học tập kỳ trước liền kề (mỗi học kỳ phải nộp lại hồ sơ).

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ:

a) Thời gian:

- **Học kỳ 1:** đầu học kỳ đến 31 tháng 10.

- **Học kỳ 2:** đầu học kỳ đến 31 tháng 3.

b) Địa điểm: Phòng Công tác sinh viên A103 cơ sở Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh

Lưu ý:

- Sinh viên thuộc nhiều diện hưởng trợ cấp xã hội sẽ chỉ được xét theo một diện có mức hưởng trợ cấp xã hội cao nhất.

- Sinh viên đã có Quyết định hưởng trợ cấp xã hội năm học kề cận trước đó thuộc diện gia đình là hộ nghèo phải làm lại thủ tục đề nghị hưởng trợ cấp xã hội trong năm học kế tiếp.

- Sinh viên đã có Quyết định hưởng trợ cấp xã hội năm học trước nhưng nghỉ học, tạm ngừng tiến độ học tập, bị đình chỉ học tập ... nay nhập học lại phải làm đơn đề nghị hưởng trợ cấp xã hội mới được tiếp tục xét hưởng trợ cấp xã hội.

- Sinh viên nộp đơn sau thời hạn quy định sẽ không được giải quyết.

III - HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học và Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

1. Đối tượng áp dụng:

Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ.

(Lưu ý: Sinh viên Cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học đại học sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học không được hưởng chính sách này)

2. Mức hỗ trợ

- Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương cơ sở;
- Số tháng được hưởng: 10 tháng/năm học/sinh viên;
- Số năm được hưởng: theo thời gian đào tạo chính thức.

3. Hồ sơ

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (theo mẫu nhận tại Phòng CTSV A103).
- Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo (theo năm) do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có chứng thực).
- Giấy khai sinh (bản sao có chứng thực).

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ:

- Thời gian:

Học kỳ 1: Từ đầu học kỳ đến ngày 31 tháng 10

Học kỳ 2: Từ đầu học kỳ đến ngày 31 tháng 03

- **Địa điểm:** Phòng Công tác sinh viên (A103) cơ sở Nguyễn Tất Thành.

Lưu ý: Sinh viên nộp đơn sau thời hạn trên sẽ không được xem xét giải quyết

Khi cần hỏi thêm thông tin về chế độ chính sách, sinh viên vui lòng liên hệ gặp chuyên viên Lý Sinh Đại: điện thoại (028) 39400989 - số nội bộ 138, di động 0899472247, email miengiam@hcmulaw.edu.vn để được hướng dẫn.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (báo cáo);
- Website CTSV
- BCS các lớp
- Lưu VT, P. CTSV

HIỆU TRƯỞNG

